

Số: 14/2023/QĐST-DS

*Thành phố Bến Tre, ngày 29 tháng 3 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 167/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV dịch vụ ăn uống N. Địa chỉ: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vũ T, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thùy V, sinh năm 1974. Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Chấm dứt Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 20/01/2017 đối với thửa đất số 1107 tờ bản đồ số 2 tại xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Công ty TNHH MTV dịch vụ ăn uống N chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 197.050.000 (Một trăm chín mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng cho nguyên đơn ông Đặng Văn T vào ngày 21/5/2023.

- Kể từ ngày Công ty TNHH MTV dịch vụ ăn uống N thanh toán số tiền trên (ngày 21/5/2023), Công ty TNHH MTV dịch vụ ăn uống N phải di dời tài sản trên đất gồm các vật kiến trúc trên đất theo kết quả đo đạc ngày 10/02/2023. Thời hạn kết thúc việc di dời là 01 tháng, kể từ ngày 21/5/2023, gồm:

+ Nhà vệ sinh diện tích 29.6m<sup>2</sup>;

+ Hồ cá diện tích 41.1m<sup>2</sup>;

+ Nhà 3 diện tích 290,6m<sup>2</sup>;

+ Nhà 5 diện tích 311,3m<sup>2</sup>;

+ Nhà 6 diện tích 181,6m<sup>2</sup>;

+ Nhà 7 diện tích 199,9m<sup>2</sup>.

Việc di dời các vật kiến trúc trên bao gồm luôn cả nền gạch ngay vị trí các vật kiến trúc nêu trên.

- Nhà 4 có diện tích 88,7m<sup>2</sup> thuộc quyền sở hữu của ông Đặng Văn T, Công ty TNHH MTV dịch vụ ăn uống N không được phép di dời.

(Có kèm theo kết quả đo đạc ngày 10/02/2023)

- Chi phí thu thập chứng cứ: 9.470.000 đồng (chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng, bị đơn Công ty TNHH MTV dịch vụ ăn uống N chịu, số tiền này nguyên đơn đã nộp xong nên bị đơn phải chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn.

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 4.926.000 (Bốn triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn) đồng, tổng cộng án phí là 5.226.000 (Năm triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) nguyên đơn ông T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 4.137.500 (bốn triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009880 và 0009879 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Số tiền còn lại nguyên đơn ông T phải nộp là 1.088.500 (Một triệu năm trăm tám mươi tám nghìn năm trăm) đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TPBT;
- Tòa án tỉnh BT;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPBT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Phạm Thị Xuân Thi**